

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN**  
Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam  
Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2011**  
**Kết thúc vào ngày 30/06/2011**

**NỘI DUNG**

- |  |            |
|--|------------|
| 1 - Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011             | : 03 trang |
| 2 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2011 | : 01 trang |
| 3 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đến 30/06/2011            | : 01 trang |
| 4 - Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2011    | : 13 trang |

*Tháng 07 năm 2011*



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Từ ngày 01/04/2011 đến ngày 30/06/2011Báo cáo tài chính quý II năm  
2011  
Mẫu số: Q -01d

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2011)	Số đầu kỳ (31/03/2011)
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>49 471 664 770</b>	<b>52 850 738 000</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1 950 426 397</b>	<b>1 441 633 561</b>
1. Tiền	111	V.01	1 950 426 397	1 441 633 561
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		288 007 141	270 650 563
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		1 662 419 256	1 170 982 998
- Tiền đang chuyển	11C			
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36 944 694 712</b>	<b>39 555 644 765</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		38 628 548 570	41 726 171 587
2. Trả trước cho người bán	132		1 122 795 740	441 153 331
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	196 891 965	391 861 410
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-3 003 541 563	-3 003 541 563
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6 156 689 616</b>	<b>7 049 285 931</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	6 156 689 616	7 049 285 931
- Hàng mua đang đi trên đường	148		102 016 999	208 680 000
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		2 536 470 659	2 625 512 176
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143			
- Chi phí SXKD dở dang	144		534 504 117	534 504 117
- Hàng gửi đi bán	147		2 983 697 841	3 680 589 638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4 419 854 045</b>	<b>4 804 173 743</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 935 919 641	3 009 235 653
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 483 934 404	1 794 938 090
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>25 133 348 110</b>	<b>26 028 133 949</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16 431 436 110</b>	<b>18 446 221 949</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	10 473 255 348	12 272 790 839
- Nguyên giá	222		20 459 783 222	23 037 863 191
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-9 986 527 874	-10 765 072 352
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	3 639 115 551	3 841 337 442



Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2011)	Số đầu kỳ (31/03/2011)
1	2	3	4	5
- Nguyên giá	225		5 869 605 642	5 869 605 642
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-2 230 490 091	-2 028 268 200
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	2 319 065 211	2 332 093 668
- Nguyên giá	228		2 605 691 260	2 605 691 260
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 286 626 049	- 273 597 592
<b>4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>		
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6 898 995 340</b>	<b>6 898 995 340</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6 898 995 340	6 898 995 340
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+268)</b>	<b>260</b>		<b>1 802 916 660</b>	<b>682 916 660</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		1 802 916 660	682 916 660
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>74 605 012 880</b>	<b>78 878 871 949</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>41 445 643 706</b>	<b>46 203 039 293</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+313+314+315+316+317+318+319+320)</b>	<b>310</b>		<b>40 101 732 027</b>	<b>44 859 127 614</b>
<b>1. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>311</b>	<b>V.15</b>	<b>19 359 635 698</b>	<b>21 458 308 826</b>
- Vay ngắn hạn			18 600 641 219	20 240 000 000
- Nợ dài hạn đến hạn trả			758 994 479	1 218 308 826
2. Phải trả cho người bán	312		18 986 696 503	20 438 647 441
3. Người mua trả tiền trước	313		1 086 353 000	2 540 267 688
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	396 734 556	159 076 930
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17		43 466 364
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	721 702 825	723 705 734
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		- 449 390 555	- 504 345 369
<b>II. Nợ dài hạn (330=331+332+333+334+335+336+337)</b>	<b>330</b>		<b>1 343 911 679</b>	<b>1 343 911 679</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1 343 911 679	1 343 911 679
- Vay dài hạn	327		70 005 012	70 005 012
- Nợ dài hạn	328		1 273 906 667	1 273 906 667
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>33 159 369 174</b>	<b>32 675 832 656</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>33 159 369 174</b>	<b>32 675 832 656</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27 482 700 000	27 482 700 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2011)	Số đầu kỳ (31/03/2011)
1	2	3	4	5
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2 089 417 600	2 027 762 786
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1 165 326 881	1 134 499 474
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
<b>10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>420</b>		<b>2 421 924 693</b>	<b>2 030 870 396</b>
- Lãi chưa phân phối	41A		2 421 924 693	2 030 870 396
- Lãi lỗ chưa kết chuyển trong kỳ	41B			
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	41B			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	42A			
- Chi sự nghiệp	42B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>74 605 012 880</b>	<b>78 878 871 949</b>

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ Tiêu				
1. Tài sản thuê ngoài	N01	V.24		
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi	N03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04			
5. Ngoại tệ các loại	N05			
6. Hạn mức kinh phí còn lại	N06			
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản	N09			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

  
Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

  
Vũ Xuân Mạch

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên)



  
Phạm Văn Tiến



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**QUÝ II NĂM 2011**

Báo cáo tài chính Quý II năm 2011  
Mẫu số: Q - 02d

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/6/2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/6/2010
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	26.823.716.437	24.121.953.770	51 140 746 421	50 805 678 339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		26.823.716.437	24.121.953.770	51 140 746 421	50 805 678 339
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	25.004.821.862	24.683.185.822	48 168 794 061	48 453 428 055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.818.894.575	-561.232.052	2 971 952 360	2 352 250 284
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	643.140.573	2.316.508.724	653 480 447	2 343 988 338
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.027.132.778	820.581.407	1 891 044 840	1 512 283 221
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.027.132.778	820.581.407	1 891 044 840	1 512 283 221
8. Chi phí bán hàng	24		253.029.658	149.446.400	427 000 061	297 014 227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		900.564.180	919.501.893	1 935 581 668	1 992 605 599
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22)-(24+25)]	30		281.308.532	-134.253.028	- 628 193 762	894 335 575
11. Thu nhập khác	31		1.939.794.424	316.908.897	2 977 854 269	419 809 397
12. Chi phí khác	32		1.537.267.666	47.923.335	1 537 267 666	91 557 826
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		402.526.758	268.985.562	1 440 586 603	328 251 571
14. Phần lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45					
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		683.835.290	134.732.534	812 392 841	1 222 587 146
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	106.336.388	13.015.104	130 852 903	123 366 738
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 - 51-52)	60		577.498.902	121.717.430	681 539 938	1 099 220 408
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		210	44	248	400

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Phan Văn Vàng*

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Vũ Xuân Mạch*

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)



*Phạm Văn Tiến*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 30/06/2011

Báo cáo tài chính Quý II  
năm 2011  
Mẫu số: Q - 03d

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II/2010
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và các doanh thu khác	01		61 745 259 155	55 042 854 297
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-13 586 916 694	-52 240 637 933
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2 676 000 698	-3 173 439 547
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-1 852 815 840	-1 512 283 221
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản khác cho nhà nước	05		-1 113 255 063	- 313 570 595
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2 816 195 938	2 518 451 672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-4 806 048 634	-3 870 014 159
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (20+30+40)</b>	<b>20</b>		<b>40 526 418 164</b>	<b>-3 548 639 486</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-1 942 850 000
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		28 000 000	4 943 800 000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		615 251 447	34 288 338
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>643 251 447</b>	<b>3 035 238 338</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		325 000 000	43 470 939 453
4. Tiền chi trả nợ trả nợ gốc vay	34		-41 240 757 595	-40 890 368 047
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			- 729 511 300
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-2 683 670 000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-40 915 757 595</b>	<b>- 832 609 894</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>253 912 016</b>	<b>-1 346 011 042</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1 696 514 381</b>	<b>3 334 787 155</b>
<b>ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>1 950 426 397</b>	<b>1 988 776 113</b>

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Phạm Văn Vàng

Kế toán trưởng

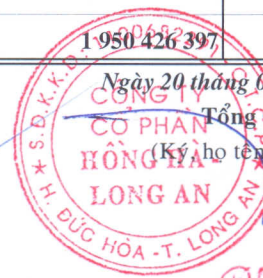
(Ký, họ tên)

Vũ Xuân Mạch

Ngày 20 tháng 07 năm 2011

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên đóng dấu)



Phạm Văn Biên



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Từ 01 tháng 04 đến 30 tháng 06 năm 2011**

### **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo biên bản thỏa thuận số 01/05/BB-HHLA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1100682291 ( số cũ 5003000119) ngày 14/09/2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 08/12/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

#### **2- Lĩnh vực kinh doanh**

*Sản xuất kinh doanh*

#### **3- Ngành nghề kinh doanh**

- 1- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành : 4290 chính)
- 2- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (mã 46204).
- 3- Bán buôn thủy sản (mã ngành 46322).
- 4- Bán buôn gạo (mã ngành 46310).
- 5- Bán lẻ thủy trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành : 47222).
- 6- *Xây dựng, xây lắp, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình giao thông thủy lợi, cấp thoát nước, Xử lý môi trường, Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản, Kinh doanh bất động sản Cung cấp , lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh, Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hoá chất (Trừ hoá chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hoá. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí. Bán buôn hóa chất. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh.*

#### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không thay đổi nào làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý II năm 2011.

### **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- 1- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm).
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán *Việt nam đồng (VND)*

### **III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà Nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành áp dụng.

#### **3- Hình thức kế toán áp dụng:** *Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm máy vi tính*

### **IV- Các chính sách kế toán áp dụng**

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

### 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

#### -Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### -Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác :

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

### 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng hóa tồn kho

- |   |  |
|---|--|
| -Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:              | Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho. |
| -Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho          | Kiểm kê định kỳ  |
| -Phương pháp hạch toán hàng tồn kho             | Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.                        |
| -Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho |  |

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

#### -Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

#### -Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
-Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
-Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
-Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
-Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
-Tài sản cố định vô hình	50 năm
-Tài sản thuê tài chính	06 - 10 năm

### 4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

### 5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

-Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

-Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.**

#### **-Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

(Công ty chưa thực hiện lập dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.**

#### **Doanh thu bán hàng.**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

**V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính : VND

**01 -TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu quý (31/3/2011)</u>
- Tiền mặt	288.007.141
- Tiền gửi ngân hàng	1.662.419.256
- Tiền đang chuyển	
<b>Cộng</b>	<b>1.950.426.397</b>
	<b>1.441.633.561</b>

**Ghi chú :** -Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/06/2011.

-Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/06/2011.

**02 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu quý (31/3/2011)</u>
-----------------------	-------------------------------

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn
- Đầu tư ngắn hạn khác
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

**Cộng****03 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu quý (31/3/2011)</u>
- Phải thu khách hàng	38.628.548.570
- Trả trước cho người bán	1.122.795.740
- Các khoản phải thu khác	196.891.965
+ Cty Cho Thuê tài chính Quốc tế VILC	114.644.996
+ Cty Cho thuê Tài chính CILC	2.238.084
+ Phải thu khác (nợ TK 338)	22.873.815
+ Thuế TNCN phải thu người lao động	44.289.495
+ Phải thu người lao động tiền BHXH	15.083.659
+ Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	
+ Phải thu Cty TNHH Phương Nga	192.348.000
- Dự phòng phải thu khó đòi	-3.003.541.563
<b>Cộng</b>	<b>36.944.694.712</b>
	<b>39.555.644.765</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

04 - Hàng tồn kho		Số cuối quý II	Số đầu quý (31/3/2011)
+ Giá gốc hàng tồn kho		6.156.689.616	7.049.285.931
- Hàng mua đi đường		102.016.999	208.680.000
- Nguyên liệu ,vật liệu tồn kho		2.536.470.659	2.625.512.176
- Công cụ, dụng cụ			
- Chi phí SX, KD dở dang (*)		3.518.201.958	4.215.093.755
- Thành phẩm			
- Hàng hóa			
+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		0	0
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK		6.156.689.616	7.049.285.931
<p>-Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ khớp với biên bản kiểm kê kho tại ngày 30/06/2011</p> <p>-(*) : Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc 30/06/2011 nhưng chưa được khách hàng xác nhận và hồ sơ liên quan để phát hành hóa đơn, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa đơn để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.</p> <p>-Trong sổ dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có 534.504.117 đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm trộn bê tông 30 m3/h cho Cty Cổ Phần Đầu tư &amp; XD Công Nghệ 10 theo hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/06/2011 vẫn chưa quyết toán xong với khách hàng.</p>			
05 -CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN		Số cuối quý II	Số đầu quý (31/3/2011)
-Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ		90.951.992	67.469.229
-Chi phí sửa chữa tài sản		2.567.465.042	2.544.578.544
-Chi phí khác		277.502.607	397.187.880
Cộng		2.935.919.641	3.009.235.653
06 -TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		Số cuối quý II	Số đầu quý (31/3/2011)
-Các khoản tạm ứng cá nhân		1.483.934.404	1.794.938.090
Cộng		1.483.934.404	1.794.938.090
07 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		Số cuối quý II	Số đầu quý (31/3/2011)
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa			
- Thuế GTGT được khấu trừ			
- Các khoản khác phải nộp Nhà nước			
Cộng		0	0
08 - Tăng , giảm tài sản cố định hữu hình			

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	4.438.855.154	6.083.354.027	9.575.815.001	169.365.703	192.393.337	20.459.783.222
Số dư đầu quý	4.438.855.154	6.083.354.027	12.153.894.970	169.365.703	192.393.337	23.037.863.191
-Mua trong quý			47.319.816			47.319.816
-Đầu tư XD CB hoàn thành						0
-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			2.625.399.785			2.625.399.785
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý	4.438.855.154	6.083.354.027	9.575.815.001	169.365.703	192.393.337	20.459.783.222
Giá trị hao mòn lũy kế	2.038.635.445	2.942.807.008	4.786.420.268	151.327.519	67.337.634	9.986.527.874
Số dư đầu quý	1.929.923.722	2.747.820.397	5.875.464.408	146.557.756	62.527.803	10.762.294.086
-Khấu hao trong quý	108.711.723	194.986.611	281.916.371	4.769.763	4.809.831	595.194.299

## CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Tăng khác						0
-Chuyển sang BĐS đầu tư						0
-Thanh lý, nhượng bán			1.370.960.511			1.370.960.511
-Giảm khác						0
Số dư cuối quý						0
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>	<b>2.400.219.709</b>	<b>3.140.547.019</b>	<b>4.789.394.733</b>	<b>18.038.184</b>	<b>125.055.703</b>	<b>10.473.255.348</b>
<b>-Tại ngày đầu quý</b>	2.508.931.432	3.335.533.630	6.278.430.562	22.807.947	129.865.534	12.275.569.105
<b>-Tại ngày cuối quý</b>	<b>2.400.219.709</b>	<b>3.140.547.019</b>	<b>4.789.394.733</b>	<b>18.038.184</b>	<b>125.055.703</b>	<b>10.473.255.348</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố  
đảm bảo các khoản vay

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

### 09 - Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>-</b>	<b>1.086.595.861</b>	<b>4.783.009.781</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.869.605.642</b>
Số dư đầu quý		1.086.595.861	4.783.009.781			5.869.605.642
-Thuê tài chính trong quý						-
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		1.086.595.861	4.783.009.781			5.869.605.642
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>-</b>	<b>169.780.605</b>	<b>2.060.709.486</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.230.490.091</b>
Số dư đầu quý		135.824.484	1.892.443.716			2.028.268.200
-Khấu hao trong quý		33.956.121	168.265.770			202.221.891
-Mua lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Tăng khác						-
-Trả lại TSCĐ thuê tài chính						-
-Giảm khác						-
Số dư cuối quý		-				-
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>-</b>	<b>916.815.256</b>	<b>2.722.300.295</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.639.115.551</b>
-Tại ngày đầu năm		950.771.377	2.890.566.065			3.841.337.442
-Tại ngày cuối năm		916.815.256	2.722.300.295			3.639.115.551

\* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm

### 10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Quyền sử dụng đất	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				<b>2.605.691.260</b>		
Số dư đầu Quý				2.605.691.260		
-Mua trong quý						
-Tạo ra từ nội bộ DN						
-Tăng do hợp nhất kinh doanh						
-Tăng khác						
-Thanh lý, nhượng bán						
-Giảm khác						
Số dư cuối năm				2.605.691.260		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				<b>286.626.048</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Ký quỹ thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính Quốc tế VN ( VILC)	423.289.945	423.289.945
- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & xe bơm ngang Cty Cho thuê tài chính (CILC)	187.626.715	187.626.715
-Đặt cọc thuê mặt bằng NMBTHHLA số 2	72.000.000	72.000.000
-Thế chấp tài sản Ngân hàng ĐT & TP - CN TP.HCM	1.120.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.802.916.660</b>	<b>682.916.660</b>
<b>15 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>Số cuối quý II</b>	<b>Số đầu quý (31/3/2011)</b>
- Vay ngắn hạn	18.600.641.219	20.240.000.000
+Vay ngắn hạn NH ĐT & PT - CN TP. HCM	18.275.641.219	20.000.000.000
+Vay ngắn hạn Cty CP Đầu tư & Phát triển Hồng Hà		
+Vay ngắn hạn của các cá nhân	325.000.000	240.000.000
* Phạm Văn Tiến		
* La Vĩnh Nhơn	325.000.000	80.000.000
* Vũ Xuân Mạch		10.000.000
* Nguyễn Trần Long		150.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	758.994.479	1.218.308.826
+Ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM	308.000.000	462.000.000
+Ngân hàng ANZ		
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC)	280.304.007	495.237.402
+Công ty cho thuê tài chính Quốc tế CILC	170.690.472	261.071.424
-Phải trả người bán	18.986.696.503	20.438.647.441
-Người mua trả trước	1.086.353.000	2.540.267.688
<b>Cộng</b>	<b>39.432.685.201</b>	<b>44.437.223.955</b>
<b>Ghi chú :</b>		
-Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 30/06/2011		
-Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/06/2011		
-Số dư phải trả người bán khớp với biên bản xác nhận công nợ tại ngày 30/06/2011		
<b>16 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>Số cuối quý II</b>	<b>Số đầu quý (31/3/2011)</b>
- Thuế giá trị gia tăng	167.117.120	60.114.962
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.453.618	5.117.230
- Thuế thu nhập cá nhân		
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác	118.163.818	93.844.738
-Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>396.734.556</b>	<b>159.076.930</b>
<b>17 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>	<b>Số cuối quý II</b>	<b>Số đầu quý (31/3/2011)</b>
-Chi phí lãi vay vốn cố định		
-Chi phí thuê bơm bê tông		
-Chi phí thí nghiệm mẫu		
-Chi phí phải trả khác		
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>18 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC</b>	<b>Số cuối quý II</b>	<b>Số đầu quý (31/3/2011)</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

- Kinh phí công đoàn	403.398.041	380.421.391
- Bảo hiểm xã hội	43.139.799	45.749.847
- Bảo hiểm y tế	9.252.823	8.842.428
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.074.932	3.977.568
- Phải trả cổ tức (cổ đông)	60.460.000	60.460.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	103.000.000	85.000.000
- Các khoản phải trả khác	98.377.230	139.254.500
-Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới		
<b>Cộng</b>	<b>721.702.825</b>	<b>723.705.734</b>

**19 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu quý (31/3/2011)</u>
<b>a - Vay dài hạn</b>	<b>70.005.012</b>	<b>70.005.012</b>
+Vay dài hạn ngân hàng ĐT & PT - CN TP. HCM	70.005.012	70.005.012
+Vay dài hạn ngân hàng ANZ		
- Trái phiếu phát hành		
<b>b - Nợ dài hạn</b>	<b>1.273.906.667</b>	<b>1.273.906.667</b>
+Thuê tài chính - Cty Cho thuê Tài chính VILC	1.138.478.091	1.138.478.091
+Thuê tài chính - Cty cho thuê tài chính CILC	135.428.576	135.428.576
<b>Cộng</b>	<b>1.343.911.679</b>	<b>1.343.911.679</b>

**c - Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Năm nay (Quý II/2011)			Năm trước (Quý II/2010)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 01 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm	374.633.615	69.319.268	305.314.347	379.316.480	99.320.489	279.995.991
Trên 5 năm						

**20 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

<b>a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>Số cuối quý II</u></b>	<b><u>Số đầu quý (31/3/2011)</u></b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

<b>b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b><u>Số cuối quý II</u></b>	<b><u>Số đầu quý (31/3/2011)</u></b>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

**21 - Vốn chủ sở hữu**

<b>a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>
--



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (LN chưa PP)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	NV đầu tư XDCVB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000		4.857.353.795		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm trước								
-Lãi trong năm trước			167.228.219					
-Tăng khác			130.000					
-Giảm vốn trong năm trước			3.065.198.429					
-Lỗ trong năm trước								
-Giảm khác								
Số dư cuối năm trước số dư đầu năm nay	27.482.700.000		1.959.513.585		2.027.762.786	1.134.499.474		
-Tăng vốn trong năm nay								
-Lãi trong năm nay			462.411.108		61.654.814	30.827.407		
-Tăng khác								
-Giảm vốn trong năm nay								
-Lỗ trong năm nay								
-Giảm khác								
Số dư cuối năm nay	27.482.700.000		2.421.924.693		2.089.417.600	1.165.326.881		

**b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của các cổ đông

(Bao gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông khác)

**Số cuối quý II****Số đầu quý (31/3/2011)**

27.482.700.000

27.482.700.000

**Cộng****27.482.700.000****27.482.700.000****c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

**Số cuối quý II****Số đầu quý (31/3/2011)****27.482.700.000****27.482.700.000**

27.482.700.000

27.482.700.000

**d - Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		
<b>d - Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối quý II</b>	<b>Số đầu quý (31/3/2011)</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.748.270	2.748.270
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	<b>2.748.270</b>	<b>2.748.270</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>2.748.270</b>	<b>2.748.270</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	<b>(10.000 đ/cp ( Mười ngàn đồng/cổ phiếu)</b>	
<b>e - Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối quý II</b>	<b>Số đầu quý (31/3/2011)</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.089.417.600	2.027.762.786
- Quỹ dự phòng tài chính	1.165.326.881	1.134.499.474
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-449.390.555	-504.345.369
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		

**VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay (QII/2011)</u>	<u>Năm trước (QII/2010)</u>
<b>22 -TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 01)</b>	<b>26.823.716.437</b>	<b>24.121.953.770</b>
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	26.823.716.437	24.121.953.770
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
<b>Cộng</b>	<b>26.823.716.437</b>	<b>24.121.953.770</b>
<b>23 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (Mã số 02)</b>	<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
<b>24 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Mã số 10)</b>	<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
Trong đó		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	26.823.716.437	24.121.953.770
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ		
<b>Cộng</b>	<b>26.823.716.437</b>	<b>24.121.953.770</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

<b>25 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN (Mã số 11)</b>		<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		25.004.821.862	24.683.185.822
<b>Cộng</b>		<b>25.004.821.862</b>	<b>24.683.185.822</b>
<b>26 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (Mã số 21)</b>		<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		13.455.573	9.808.724
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		629.685.000	
- Lãi Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện			
- Chiết khấu thanh toán được hưởng			
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán			2.306.700.000
- Doanh hoạt động tài chính khác			
<b>Cộng</b>		<b>643.140.573</b>	<b>2.316.508.724</b>
<b>27 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Mã số 22)</b>		<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
- Chi phí lãi vay vốn cố định ( vay dài hạn NH)		19.943.254	62.229.595
- Chi phí lãi vay vốn lưu động ( vay ngắn hạn NH)		894.108.105	632.267.901
- Chi phí lãi thuê tài chính		69.319.268	99.320.489
- Chi phí lãi vay cá nhân và các đối tượng khác		43.762.151	26.763.422
- Chi phí tài chính khác			
<b>Cộng</b>		<b>1.027.132.778</b>	<b>820.581.407</b>
<b>28 - CHI PHÍ THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ (Mã số 51)</b>		<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		683.835.290	134.732.534
-Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành			
-Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay			
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành		683.835.290	134.732.534
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		106.336.388	13.015.104
-Chi phí thuế TNDN hoãn lại (Mã số 52)			
-Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		577.498.902	121.717.430
<b>Ghi chú :</b>			
-Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của từng nhà máy trên tổng doanh thu.			
-Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%			
-Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.			
<b>29 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN QUÝ II NĂM 2011</b>		<b>Năm nay (30/06/2011)</b>	
1 -Lợi nhuận năm 2010 còn lại chưa phân phối		1.959.513.585	
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý I năm 2011		104.041.036	
3 -Lợi nhuận kinh doanh quý II năm 2011		577.498.902	
4 -Tổng lợi nhuận đến 30/06/2011 (=2+3)		2.641.053.523	
-Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế		64.991.795	
+Chi nộp phạt vi phạm giao thông		9.100.000	
+Chi nộp phạt vi phạm về thuế		1.641.795	
+Thù lao HĐQT+BKS		44.500.000	
+Chi phí khác		9.750.000	
+Trích lập các quỹ		154.137.035	
-Quỹ dự phòng tài chính (5%)		30.827.407	
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)		61.654.814	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ -LONG AN**

Địa chỉ : Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An , Xã Mỹ Hạnh Nam, Huyện Đức Hòa , Tỉnh Long An

-Quỹ đầu tư phát triển (10%)	61.654.814	
-Lợi nhuận còn lại đến 30/06/2011	2.421.924.693	
<b>30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>	<b>Năm nay (30/06/2011)</b>	<b>Năm trước (30/06/2010)</b>
-Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	577.498.902	121.717.430
-Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
-Lãi cơ bản trên cổ phiếu	210	44
<b>31 - Chi phí sản xuất , kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay (QII/2011)</b>	<b>Năm trước (QII/2010)</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.514.809.609	20.828.013.151
- Chi phí nhân công	1.224.145.170	1.379.855.983
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	812.492.856	889.543.804
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.517.024.925	1.137.156.245
- Chi phí khác bằng tiền	2.671.405.016	1.681.101.591
<b>Cộng</b>	<b>24.739.877.576</b>	<b>25.915.670.774</b>

**VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- 32 Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc 30/06/2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 20/07/2011.

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

  
 Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

  
 Vũ Xuân Mạch

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)


  
 Phạm Văn Tiến